

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000001	NGUYỄN HUỖNH ANH	Nữ	06/10/2007	12C9	Lịch sử	Địa lý	
2	35000002	VÕ ĐỨC ANH	Nam	24/02/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
3	35000003	VÕ HOÀNG ANH	Nữ	29/06/2007	12C9	Lịch sử	Địa lý	
4	35000004	NGÔ NHẬT ÂN	Nam	30/12/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
5	35000005	DƯƠNG HOÀNG THIÊN BẢO	Nam	29/09/2006	12C8	Lịch sử	Địa lý	
6	35000006	DƯƠNG BỘI BỘI	Nữ	08/12/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
7	35000007	TRƯƠNG QUANG CƯỜNG	Nam	15/04/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
8	35000008	TRẦN VĂN CỬU	Nam	08/03/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
9	35000009	BÙI THỊ MINH CHÂU	Nữ	09/06/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
10	35000010	ĐẶNG TẤN DANH	Nam	02/09/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
11	35000011	LÊ HỒNG DIỄM	Nữ	01/10/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
12	35000012	NGUYỄN THỊ DIỄM	Nữ	05/07/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
13	35000013	NGUYỄN THANH DIỆU	Nữ	23/11/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
14	35000014	DƯƠNG TẤN ĐÀM	Nam	25/04/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
15	35000015	TRƯƠNG QUANG ĐẠT	Nam	30/09/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
16	35000016	NGUYỄN THỊ THU ĐIỆP	Nữ	20/10/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
17	35000017	NGUYỄN LÊ GIA	Nam	21/01/2007	12C2	Lịch sử	Địa lý	
18	35000018	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	16/09/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
19	35000019	TRỊNH THỊ XUÂN HA	Nữ	19/07/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
20	35000020	VÕ HOÀI MỸ HẠNH	Nữ	24/10/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
21	35000021	NGUYỄN THÁI HIỀN	Nữ	06/01/2007	12C2	Lịch sử	Địa lý	
22	35000022	ĐINH THỊ KIM HIỀN	Nữ	02/12/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
23	35000023	THỐI THỊ THU HIỀN	Nữ	04/11/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
24	35000024	PHAN NGUYỄN MINH TRIẾT	Nam	22/09/2007	12C6	Vật lý	CNNN	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 2

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000025	NGUYỄN MAI THÀNH HIỂN	Nam	28/09/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
2	35000026	ĐỖ THỊ NHẤT HIỆU	Nữ	11/10/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
3	35000027	NGUYỄN VĂN HIỆU	Nam	20/01/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
4	35000028	PHÙ THỊ HIỆU	Nữ	14/01/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
5	35000029	VÕ THỊ KIỀU HOANH	Nữ	08/06/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
6	35000030	PHẠM THỊ HỒNG	Nữ	03/12/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
7	35000031	TRẦN THỊ KIM HỒNG	Nữ	12/01/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
8	35000032	NGUYỄN THỊ HỢP	Nữ	06/09/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
9	35000033	TRẦN THỊ THU HUỆ	Nữ	01/01/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
10	35000034	ĐOÀN LÊ THỊ DIỄM HƯƠNG	Nữ	16/01/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
11	35000035	NGUYỄN VÕ SÔNG HƯƠNG	Nữ	17/04/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
12	35000036	VÕ THỊ BÍCH HỮU	Nữ	21/12/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
13	35000037	PHẠM DUY KHÁNH	Nam	09/02/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
14	35000038	PHAN ĐÌNH KHÁNH	Nam	27/05/2007	12C9	Lịch sử	Địa lý	
15	35000039	TRỊNH NGUYỄN KIM LIÊN	Nữ	17/08/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
16	35000040	ĐỖ THỊ KIỀU LINH	Nữ	14/07/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
17	35000041	NGUYỄN VĂN LĨNH	Nam	10/11/2006	12C8	Lịch sử	Địa lý	
18	35000042	NGUYỄN THỊ KIM LƯU	Nữ	15/02/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
19	35000043	HUỲNH YẾN MỸ	Nữ	23/01/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
20	35000044	VÕ TRẦN LY NA	Nữ	27/06/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
21	35000045	TIÊU THỊ KIỀU NGÂN	Nữ	09/02/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
22	35000046	BÙI TRỌNG NGHĨA	Nam	23/08/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
23	35000047	NGUYỄN ANH NHI	Nữ	16/01/2007	12C2	Lịch sử	Địa lý	
24	35000048	NGUYỄN GIANG SƠN	Nam	11/10/2007	12C10	Tiếng Anh	Tin học	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỒNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 3

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000049	NGUYỄN THỊ HÀN NI	Nữ	31/03/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
2	35000050	DƯƠNG THỊ THU NHUNG	Nữ	14/01/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
3	35000051	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	30/07/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
4	35000052	TRẦN THỊ ÁNH NHUNG	Nữ	02/08/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
5	35000053	DƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	25/08/2007	12C9	Lịch sử	Địa lý	
6	35000054	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	21/11/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
7	35000055	LÝ NGÔ CHAN PIN	Nam	23/10/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
8	35000056	HUỲNH VĂN PHÚC	Nam	03/05/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
9	35000057	TIÊU VIỆT PHƯỚC	Nam	05/03/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
10	35000058	BÙI DUY QUÂN	Nam	04/05/2007	12C2	Lịch sử	Địa lý	
11	35000059	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	18/12/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
12	35000060	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	04/09/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
13	35000061	NGUYỄN TẤN SANG	Nam	01/12/2007	12C10	Tin học	CNNN	
14	35000062	TRẦN QUANG SƠN	Nam	19/05/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
15	35000063	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	Nữ	29/10/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
16	35000064	PHẠM THỊ MỸ TÂM	Nữ	19/11/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
17	35000065	TRẦN THỊ MINH TÂM	Nữ	08/05/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
18	35000066	ĐẶNG NGUYỄN GIA THẢO	Nữ	15/05/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
19	35000067	HÀ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/07/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
20	35000068	TRẦN THỊ MỸ THO	Nữ	28/07/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
21	35000069	PHẠM TĂNG HOÀI THU	Nữ	08/10/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
22	35000070	PHAN THỊ KIM THU	Nữ	02/04/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
23	35000071	TRẦN QUANG THUẬN	Nam	20/06/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
24	35000072	NGUYỄN ANH THU	Nữ	27/11/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 4

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000073	LÊ THỊ BẢO HÂN	Nữ	28/09/2007	12C3	Hóa học	GDKTPL	
2	35000074	ĐỒNG THANH TÚ	Nam	12/07/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
3	35000075	NGUYỄN LÊ NHƯ TUYỀN	Nữ	07/02/2007	12C2	Lịch sử	Địa lý	
4	35000076	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	16/09/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
5	35000077	VÕ THỊ NGHI THƯỜNG	Nữ	25/06/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
6	35000078	TRẦN THỊ THU TRANG	Nữ	04/11/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
7	35000079	NGUYỄN TẤN TRÀNG	Nam	02/09/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
8	35000080	HUỲNH THỊ KIM TRÂM	Nữ	22/09/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
9	35000081	PHẠM THỊ THUYẾT TRÂM	Nữ	25/06/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
10	35000082	TRẦN THỊ KIM TRÂM	Nữ	24/02/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
11	35000083	VÕ THỊ THANH TRÂM	Nữ	20/11/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
12	35000084	NGUYỄN THỊ THU TRÂM	Nữ	06/01/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
13	35000085	HUỲNH THỊ THU TRÍ	Nữ	24/05/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
14	35000086	ĐINH HỮU TRỌNG	Nam	01/12/2007	12C10	Lịch sử	Địa lý	
15	35000087	VÕ PHƯƠNG TRUYỀN	Nam	20/05/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
16	35000088	VÕ ĐỨC TRƯỜNG	Nam	06/04/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
17	35000089	NGUYỄN THỊ HẠNH VI	Nữ	21/02/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
18	35000090	PHAN THỊ CẨM VI	Nữ	28/11/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	
19	35000091	ỪNG HOÀNG VŨ	Nam	18/12/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
20	35000092	NGUYỄN BUI PHƯƠNG VY	Nữ	30/08/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
21	35000093	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	Nữ	20/03/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
22	35000094	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	31/05/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
23	35000095	PHẠM THỊ TƯỜNG VY	Nữ	22/07/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	
24	35000096	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	17/08/2007	12C7	Lịch sử	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 5

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000097	NGUYỄN XUÂN AN	Nam	10/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
2	35000098	ĐÀO NGỌC ANH	Nam	25/01/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
3	35000099	VÕ DUY BẢN	Nam	21/07/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
4	35000100	VÕ THỊ NHÃ CA	Nữ	21/03/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
5	35000101	PHẠM LƯU TẤN CUỒNG	Nam	26/04/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
6	35000102	BÙI MAI CHÂU	Nữ	28/12/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
7	35000103	BÙI THỊ BẢO CHÂU	Nữ	27/01/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
8	35000104	VÕ TRỊNH THÀNH DANH	Nam	26/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
9	35000105	TRƯƠNG VĂN HOÀNG DIỆU	Nam	17/12/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
10	35000106	NGUYỄN PHẠM TUẤN DUY	Nam	12/09/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
11	35000107	PHAN TẤN DUY	Nam	26/08/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
12	35000108	TRẦN NGUYỄN THÙY DUYÊN	Nữ	06/04/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
13	35000109	PHẠM ĐỖ NGỌC ĐẠT	Nam	05/06/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
14	35000110	BÙI TẤN ĐỘ	Nam	03/07/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
15	35000111	VÕ MINH ĐỨC	Nam	28/02/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
16	35000112	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	Nữ	20/10/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
17	35000113	VÕ THỊ ỨT HẠ	Nữ	13/05/2007	12C1	Tiếng Anh	Hóa học	
18	35000114	NGUYỄN HẢI	Nam	17/01/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
19	35000115	VÕ THỊ HẢO	Nữ	29/09/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
20	35000116	PHAN THÚY HẰNG	Nữ	30/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
21	35000117	VÕ THỊ THU HIỀN	Nữ	25/04/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
22	35000118	TRẦN THỊ KIM XUYẾN	Nữ	05/07/2007	12C5	Lịch sử	Địa lý	
23	35000119	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	17/03/2007	12C8	Lịch sử	Địa lý	
24	35000120	ĐỖ VŨ HẢI YẾN	Nữ	28/01/2007	12C6	Lịch sử	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 6

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000121	VÕ NGUYỄN HIỆU	Nam	18/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
2	35000122	HUỖNH THỊ XUÂN HÒA	Nữ	07/01/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
3	35000123	PHẠM QUANG HUY	Nam	05/07/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
4	35000124	BÙI YẾN NHƯ HUYỀN	Nữ	28/07/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
5	35000125	HUỖNH DUY HÙNG	Nam	22/04/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
6	35000126	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	12/07/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
7	35000127	TIÊU HIẾU KIÊN	Nữ	28/05/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
8	35000128	THỐI LÊ KIẾT	Nam	30/07/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
9	35000129	LÊ QUỐC KHANG	Nam	11/01/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
10	35000130	VÕ TRUNG KHANG	Nam	17/04/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
11	35000131	HUỖNH QUỐC KHÁNG	Nam	01/06/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
12	35000132	HUỖNH VIỆT KHOA	Nam	05/03/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
13	35000133	NGUYỄN HỮU ĐĂNG KHÔI	Nam	06/07/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
14	35000134	NGUYỄN THỊ THANH KHUÊ	Nữ	13/07/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
15	35000135	ỪNG VĂN LINH	Nam	04/11/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
16	35000136	LÂM SĨ LUÂN	Nam	04/11/2006	12C4	Vật lý	Hóa học	
17	35000137	NGUYỄN THỊ LY	Nữ	07/07/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
18	35000138	LƯƠNG CÔNG MẠNH	Nam	04/01/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
19	35000139	PHẠM QUANG NHẬT MINH	Nam	20/04/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
20	35000140	ĐỖ THỊ TRÀ MY	Nữ	18/08/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
21	35000141	NGUYỄN MY NA	Nữ	17/12/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
22	35000142	TRẦN ANH NAM	Nam	01/04/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
23	35000143	TRẦN NGỌC QUÂN	Nam	10/08/2007	12C10	Địa lý	Tin học	
24	35000144	HỒ SỸ THÁI	Nam	09/02/2007	12C10	Địa lý	Tin học	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 7

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000145	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	21/09/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
2	35000146	DƯƠNG NGUYỄN GIA NGHI	Nữ	06/04/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
3	35000147	TRƯƠNG CHÍ NGHĨA	Nam	07/09/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
4	35000148	ỪNG THỊ KIM NGỌC	Nữ	20/05/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
5	35000149	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	21/10/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
6	35000150	NGUYỄN XUÂN NHÂN	Nam	30/10/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
7	35000151	ĐOÀN VÕ THANH NHẬT	Nam	04/12/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
8	35000152	ĐỖ MINH NHẬT	Nam	10/11/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
9	35000153	HUỖNH THỊ YẾN NHI	Nữ	30/01/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
10	35000154	HUỖNH YẾN NHI	Nữ	22/10/2007	12C10	Lịch sử	CNNN	
11	35000155	NGUYỄN THỊ NHI	Nữ	27/08/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
12	35000156	HUỖNH THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	01/01/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
13	35000157	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	25/01/2007	12C10	Lịch sử	CNNN	
14	35000158	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	09/02/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
15	35000159	ĐẶNG HỮU PHÔNG	Nam	27/09/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
16	35000160	HUỖNH THANH PHÚC	Nam	03/06/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
17	35000161	PHÙ THANH PHÚC	Nam	16/07/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
18	35000162	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	Nữ	16/04/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
19	35000163	BÙI THỊ KIM PHƯƠNG	Nữ	26/05/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
20	35000164	ĐÀO MINH QUÍ	Nam	24/02/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
21	35000165	LÂM MINH SANG	Nam	23/04/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
22	35000166	NGUYỄN THUẬN SƠN	Nam	10/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
23	35000167	TRƯƠNG HOÀNG SƠN	Nam	10/05/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
24	35000168	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	09/11/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 8

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000169	LÊ NGỌC HÒA HỢP	Nữ	26/03/2007	12C9	Tiếng Anh	GDKTPL	
2	35000170	VÕ XUÂN PHÚC	Nam	19/02/2007	12C9	Tiếng Anh	GDKTPL	
3	35000171	NGUYỄN VĂN TÀI	Nam	21/10/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
4	35000172	NGUYỄN THỊ TÁNH	Nữ	19/06/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
5	35000173	NGUYỄN VĂN THANH TIẾN	Nam	18/11/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
6	35000174	ĐỖ ANH TUẤN	Nam	14/12/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
7	35000175	BÙI TRẦN VIỆT THÁI	Nam	13/05/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
8	35000176	ĐÀO DUY THÀNH	Nam	13/09/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
9	35000177	ĐỖ TẤN THÀNH	Nam	12/11/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
10	35000178	DƯƠNG THỊ KIM THẢO	Nữ	27/04/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
11	35000179	ĐOÀN THỊ THANH THẢO	Nữ	21/01/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
12	35000180	PHẠM THANH THẢO	Nữ	25/01/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
13	35000181	PHẠM DƯƠNG THIÊN	Nam	20/03/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
14	35000182	PHẠM NGỌC THỊNH	Nam	23/01/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
15	35000183	BÙI THỊ KIM THOA	Nữ	08/08/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
16	35000184	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	17/05/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
17	35000185	VÕ THỊ THANH THU	Nữ	18/11/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
18	35000186	PHAN THỊ THU THUY	Nữ	03/06/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
19	35000187	PHẠM NGỌC ANH THU	Nữ	28/01/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
20	35000188	LÊ VĂN TRIẾT	Nam	24/11/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
21	35000189	VÕ GIA TRIẾT	Nam	28/07/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
22	35000190	NGUYỄN THỊ TRINH	Nữ	08/10/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
23	35000191	NGUYỄN THỰC TRINH	Nữ	30/06/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	
24	35000192	ĐẶNG QUANG TRƯỜNG	Nam	01/09/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 9

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000193	NGUYỄN THỊ NHƯ ÁI	Nữ	21/06/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
2	35000194	PHAN THỊ KIM ANH	Nữ	06/07/2007	12C7	Vật lý	Tiếng Anh	
3	35000195	LÊ THỊ THANH BÌNH	Nữ	01/02/2007	12C3	Vật lý	Tiếng Anh	
4	35000196	MAI KIỀU DIỄM	Nữ	15/06/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
5	35000197	TÙ QUỐC ĐẠT	Nam	31/12/2007	12C8	Vật lý	Tiếng Anh	
6	35000198	PHẠM LÊ BÍCH GIANG	Nữ	26/08/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
7	35000199	PHẠM THỊ LƯU GIANG	Nữ	10/07/2007	12C2	Vật lý	Tiếng Anh	
8	35000200	NGUYỄN XUÂN HẢI	Nam	28/10/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
9	35000201	NGUYỄN KHÁNH HẠNH	Nữ	29/05/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
10	35000202	PHẠM THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	28/05/2007	12C1	Vật lý	Tiếng Anh	
11	35000203	ĐỖ THỊ HẠO	Nữ	02/09/2007	12C4	Vật lý	Tiếng Anh	
12	35000204	ĐỒNG THỊ HỒNG HẢO	Nữ	30/05/2007	12C1	Vật lý	Tiếng Anh	
13	35000205	BÙI THỊ THU HẰNG	Nữ	30/04/2007	12C3	Vật lý	Tiếng Trung	
14	35000206	VÕ TRẦN MINH NGUYỄN	Nam	27/05/2007	12C4	Vật lý	GDKTPL	
15	35000207	NGÔ THANH TUẤN	Nam	22/05/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
16	35000208	NGUYỄN THANH TUẤN	Nam	16/04/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
17	35000209	BÙI HỮU THUẦN	Nam	06/07/2007	12C4	Vật lý	GDKTPL	
18	35000210	LÊ VIỆT TRÀ	Nam	01/12/2007	12C4	Vật lý	GDKTPL	
19	35000211	LÂM THỊ THÚY VÂN	Nữ	10/03/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
20	35000212	NGUYỄN NHÂN VIÊN	Nam	04/03/2007	12C2	Vật lý	Hóa học	
21	35000213	VÕ VĂN VIÊN	Nam	26/10/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
22	35000214	HUỲNH TRƯỜNG VŨ	Nam	29/01/2007	12C4	Vật lý	Hóa học	
23	35000215	PHAN HOÀNG NGUYỄN VŨ	Nam	02/08/2007	12C1	Vật lý	Hóa học	
24	35000216	PHẠM THỊ KIỀU VY	Nữ	09/06/2007	12C3	Vật lý	Hóa học	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 10

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000217	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH	Nữ	18/07/2007	12C2	Hóa học	Địa lý	
2	35000218	VÕ THỊ NGUYỆT HẰNG	Nữ	26/08/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
3	35000219	HỒ PHẠM THUY HIỀN	Nữ	07/07/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
4	35000220	NGUYỄN THỊ MINH HIẾU	Nữ	26/07/2007	12C6	Tiếng Anh	Vật lý	
5	35000221	TÔN LONG HIẾU	Nam	09/10/2007	12C2	Hóa học	Địa lý	
6	35000222	BÙI ĐÌNH HOÀI	Nữ	26/07/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
7	35000223	LƯƠNG ĐOÀN MINH HOÀNG	Nam	02/04/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
8	35000224	VÕ NGUYỄN HOÀNG	Nam	20/03/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
9	35000225	DƯƠNG THỊ KIM HUỆ	Nữ	30/09/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
10	35000226	NGUYỄN THỊ THANH HUỆ	Nữ	26/09/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
11	35000227	LÊ THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	30/07/2007	12C7	Tiếng Anh	Vật lý	
12	35000228	ĐẶNG HỒNG HUNG	Nam	04/11/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
13	35000229	LÊ ANH KIỆT	Nam	12/05/2007	12C2	Hóa học	Địa lý	
14	35000230	NGUYỄN HỮU KÍNH	Nam	31/03/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
15	35000231	PHẠM ANH KHA	Nam	08/02/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
16	35000232	BÙI QUANG KHẢI	Nam	11/11/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
17	35000233	NGUYỄN HỒNG KHANG	Nam	30/04/2007	12C6	Tiếng Anh	Vật lý	
18	35000234	TRƯƠNG ĐÌNH KHOA	Nam	26/02/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
19	35000235	HỒ THỊ MỸ KHUÊ	Nữ	19/05/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
20	35000236	NGÔ PHƯƠNG LAN	Nữ	26/09/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
21	35000237	PHẠM THỊ MỸ LỆ	Nữ	04/04/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
22	35000238	TRƯƠNG MỸ LINH	Nữ	17/01/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
23	35000239	TRƯƠNG THỊ HÀ LY	Nữ	19/08/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
24	35000240	LÊ THỊ THU TRÀ	Nữ	16/04/2007	12C2	Hóa học	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 11

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000241	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	03/07/2007	12C9	Tiếng Anh	Lịch sử	
2	35000242	VÕ THU HẢI	Nữ	05/01/2007	12C9	Tiếng Anh	Lịch sử	
3	35000243	LÝ THẢO HUYỀN	Nữ	05/11/2007	12C5	Tiếng Anh	Lịch sử	
4	35000244	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	29/03/2007	12C10	Tiếng Anh	Lịch sử	
5	35000245	BÙI THỊ THU MẾN	Nữ	23/11/2007	12C7	Tiếng Anh	Lịch sử	
6	35000246	VÕ THỊ MI NA	Nữ	16/11/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
7	35000247	HUỲNH THỊ NỮ	Nữ	16/10/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
8	35000248	NGUYỄN NGỌC NƯƠNG	Nữ	13/09/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
9	35000249	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	Nữ	05/05/2007	12C10	Tiếng Anh	Lịch sử	
10	35000250	LÊ THỊ NGÂN	Nữ	08/07/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
11	35000251	TRẦN NGỌC HOÀNG NGÂN	Nữ	07/07/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
12	35000252	NGUYỄN PHAN NHƯ NGỌC	Nữ	11/09/2007	12C1	Tiếng Anh	Vật lý	
13	35000253	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	Nữ	24/07/2007	12C1	Tiếng Anh	Vật lý	
14	35000254	NGUYỄN NỮ NHƯ NGUYỄN	Nữ	17/07/2007	12C10	Tiếng Anh	Lịch sử	
15	35000255	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	Nam	08/08/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
16	35000256	VÕ THÀNH NGUYỄN	Nam	16/11/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
17	35000257	NGUYỄN VĂN NHẤT	Nam	24/01/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
18	35000258	VÕ THỊ YÊN NHI	Nữ	15/06/2007	12C7	Tiếng Anh	Vật lý	
19	35000259	BÙI QUANG PHÚC	Nam	19/09/2007	12C3	Tiếng Anh	Lịch sử	
20	35000260	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG	Nữ	15/02/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
21	35000261	QUẢNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG	Nữ	27/06/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
22	35000262	PHẠM KINH QUỐC	Nam	13/01/2007	12C1	Tiếng Anh	Vật lý	
23	35000263	NGUYỄN MINH GIA THOẠI	Nữ	02/08/2007	12C7	Tiếng Anh	Lịch sử	
24	35000264	HOÀNG BẢO TRÂM	Nữ	24/05/2007	12C10	Tiếng Anh	Lịch sử	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 12

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000265	NGUYỄN THỊ KIM CHI	Nữ	11/12/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
2	35000266	NGUYỄN THUY CHUNG	Nữ	14/07/2007	12C3	Lịch sử	GDKTPL	
3	35000267	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	07/01/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
4	35000268	LÊ VĂN HẢI	Nam	26/05/2007	12C8	Lịch sử	GDKTPL	
5	35000269	TRƯƠNG VĂN VŨ HÙNG	Nam	27/07/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
6	35000270	TIÊU THỊ MỸ LỢI	Nữ	20/01/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
7	35000271	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	10/01/2006	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
8	35000272	BUI THỊ XUÂN QUÝ	Nữ	14/10/2007	12C6	Tiếng Anh	Vật lý	
9	35000273	NGUYỄN THỊ CẨM QUYÊN	Nữ	22/09/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
10	35000274	PHẠM THỊ NHÃ QUYÊN	Nữ	28/01/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
11	35000275	NGUYỄN THỊ KIM TIỀN	Nữ	28/10/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
12	35000276	NGUYỄN VĂN THANH	Nam	13/07/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
13	35000277	PHẠM THANH THỐNG	Nam	13/11/2006	12C6	Tiếng Anh	Vật lý	
14	35000278	ĐỒNG THỊ MỸ TRÀ	Nữ	10/11/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
15	35000279	NGUYỄN KHÁNH TRÂM	Nữ	05/11/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
16	35000280	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂM	Nữ	19/11/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
17	35000281	VÕ THỊ MỸ TRIẾT	Nữ	10/09/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
18	35000282	BUI THỊ TRINH	Nữ	10/09/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
19	35000283	ĐẶNG THỊ KIM TRINH	Nữ	30/05/2007	12C3	Tiếng Anh	Vật lý	
20	35000284	HUỲNH THỊ TRINH	Nữ	16/10/2007	12C4	Tiếng Anh	Vật lý	
21	35000285	NGUYỄN THỊ THU TRINH	Nữ	07/04/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
22	35000286	QUẢNG CÔNG TRỌNG	Nam	23/05/2007	12C5	Tiếng Anh	Vật lý	
23	35000287	ĐẶNG THỊ THẢO VIÊN	Nữ	23/01/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	
24	35000288	TIÊU VIỆT Ý	Nam	02/04/2007	12C4	Lịch sử	GDKTPL	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỒNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 13

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000289	ĐỖ QUANG BẢO	Nam	04/01/2007	12C8	Vật lý	Địa lý	
2	35000290	ĐỖ THỊ DIỆU CHI	Nữ	04/06/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
3	35000291	PHẠM HỒNG CHUÔNG	Nam	01/01/2007	12C5	Vật lý	Địa lý	
4	35000292	PHẠM NGỌC CHUÔNG	Nam	10/11/2007	12C7	Vật lý	Địa lý	
5	35000293	NGUYỄN HOÀI ANH DƯƠNG	Nam	29/10/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
6	35000294	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	23/02/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
7	35000295	ĐỖ HỮU HIỀN	Nam	03/11/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
8	35000296	TRƯƠNG THỊ HÓA	Nữ	07/01/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
9	35000297	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	02/03/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
10	35000298	VÕ THỊ ÁI KHUÊ	Nữ	02/06/2007	12C7	Vật lý	Lịch sử	
11	35000299	NGUYỄN TẤN MẠNH	Nam	13/06/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
12	35000300	VÕ THỊ KIỀU NA	Nữ	06/10/2007	12C7	Vật lý	Lịch sử	
13	35000301	BÙI PHƯƠNG NAM	Nam	17/06/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
14	35000302	HUỲNH THỊ THUYẾT TIÊN	Nữ	20/06/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
15	35000303	ĐỖ CẨM TÚ	Nữ	28/09/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
16	35000304	PHẠM TUẤN TÚ	Nam	12/07/2007	12C4	Vật lý	Tiếng Anh	
17	35000305	DƯƠNG THỊ HIỀN TRẦN	Nữ	05/03/2007	12C7	Vật lý	Lịch sử	
18	35000306	NGUYỄN BÁ THIÊN VĂN	Nam	18/06/2007	12C7	Vật lý	Lịch sử	
19	35000307	ĐOÀN HỮU VĨ	Nam	10/03/2007	12C4	Vật lý	Lịch sử	
20	35000308	LÊ TRUNG VĨ	Nam	23/07/2007	12C6	Vật lý	Tiếng Anh	
21	35000309	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	29/06/2007	12C5	Vật lý	Tiếng Anh	
22	35000310	BÙI THỊ KIM VINH	Nữ	14/01/2007	12C1	Vật lý	Tiếng Anh	
23	35000311	VÕ TẤN VINH	Nam	02/06/2007	12C3	Vật lý	Tiếng Anh	
24	35000312	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	09/03/2007	12C7	Vật lý	Tiếng Anh	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 14

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000313	TRẦN GIA AN	Nam	02/04/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
2	35000314	HUỖNH TUẤN ANH	Nam	30/12/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
3	35000315	NGUYỄN THỊ KIM CHUÔNG	Nữ	17/03/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
4	35000316	DƯƠNG THỊ MỸ DUNG	Nữ	27/04/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
5	35000317	LÊ DUY GIN	Nam	05/06/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
6	35000318	VÕ MINH HIẾU	Nam	08/10/2007	12C8	Địa lý	Vật lý	
7	35000319	NGUYỄN NGỌC HÒA	Nam	12/08/2007	12C2	Địa lý	Vật lý	
8	35000320	NGUYỄN ĐỨC MINH HOÀNG	Nam	27/11/2007	12C5	Địa lý	Vật lý	
9	35000321	QUẢNG VŨ VIỆT HÙNG	Nam	26/02/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
10	35000322	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	Nam	18/09/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
11	35000323	ĐOÀN THÚY HƯỜNG	Nữ	11/06/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
12	35000324	LÊ VĂN KA	Nam	17/02/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
13	35000325	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nam	17/08/2007	12C5	Địa lý	Vật lý	
14	35000326	BÙI MINH LÊN	Nam	07/04/2007	12C6	Địa lý	CNNN	
15	35000327	HUỖNH HUYỀN LINH	Nữ	15/04/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
16	35000328	NGUYỄN HỮU TRÀ MY	Nữ	06/11/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
17	35000329	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	Nữ	11/07/2007	12C7	Địa lý	Vật lý	
18	35000330	LÊ AN NA	Nữ	08/10/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
19	35000331	MAI ANH NHẬT	Nam	14/08/2007	12C6	Địa lý	Vật lý	
20	35000332	VÕ DUY PHONG	Nam	20/09/2006	12C10	Địa lý	CNNN	
21	35000333	NGUYỄN NHẬT SỸ	Nam	24/08/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
22	35000334	LÊ VIỆT THÔNG	Nam	07/04/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
23	35000335	NGUYỄN THIÊN TRƯỜNG	Nam	20/03/2007	12C10	Địa lý	CNNN	
24	35000336	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	21/11/2007	12C10	Địa lý	CNNN	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 15

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000337	NGÔ MỘNG QUỲNH CHI	Nữ	05/08/2007	12C7	Tiếng Trung	Địa lý	
2	35000338	LÊ THỊ BÍCH DIỄM	Nữ	30/06/2007	12C7	Tiếng Anh	Địa lý	
3	35000339	BÙI THỊ MỸ DIỆU	Nữ	14/10/2007	12C7	Tiếng Anh	Địa lý	
4	35000340	DƯƠNG THỊ DUYÊN	Nữ	09/06/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
5	35000341	VÕ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	10/03/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
6	35000342	PHAN THÁI HUYỀN HÂN	Nữ	30/04/2007	12C1	Tiếng Anh	Địa lý	
7	35000343	PHAN NGUYỄN KHANG	Nam	22/05/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
8	35000344	PHAN NGỌC LAN	Nữ	20/09/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
9	35000345	VÕ NGUYỄN VĂN MÃI	Nam	24/12/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
10	35000346	BÙI PHƯƠNG NAM	Nam	03/01/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
11	35000347	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	Nữ	18/05/2007	12C9	Tiếng Anh	Địa lý	
12	35000348	PHẠM NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Nữ	03/11/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
13	35000349	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Nữ	23/08/2007	12C9	Tiếng Anh	Địa lý	
14	35000350	VŨ THỊ LOAN NHƯ	Nữ	16/04/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
15	35000351	NGUYỄN NỮ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/03/2007	12C9	Tiếng Anh	Địa lý	
16	35000352	ĐỖ HÀ THANH TIỀN	Nữ	09/09/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
17	35000353	NGUYỄN THỊ TIỆP	Nữ	22/11/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
18	35000354	PHAN THỊ THU THỦY	Nữ	20/10/2007	12C7	Tiếng Anh	Địa lý	
19	35000355	NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG	Nữ	18/07/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
20	35000356	PHẠM ĐOAN MỸ TRÂM	Nữ	17/06/2007	12C8	Tiếng Anh	Địa lý	
21	35000357	NGUYỄN HOÀI UYÊN	Nữ	24/01/2007	12C1	Tiếng Anh	Địa lý	
22	35000358	TRẦN THANH VŨ	Nam	04/09/2007	12C10	Tiếng Anh	Địa lý	
23	35000359	ĐỖ LÊ VY	Nữ	19/06/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	
24	35000360	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	25/08/2007	12C5	Tiếng Anh	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TUỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 16

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000361	TRƯƠNG VĂN CHUÔNG	Nam	25/02/2007	12C7	GDKTPL	Địa lý	
2	35000362	NGUYỄN PHẠM THÁI NHIÊN	Nữ	14/01/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
3	35000363	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	22/05/2007	12C7	Vật lý	Địa lý	
4	35000364	VÕ NGUYỄN LÂM NHƯ	Nữ	06/06/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
5	35000365	NGUYỄN HOÀI PHÔNG	Nam	19/06/2007	12C7	Vật lý	Địa lý	
6	35000366	VÕ VĂN QUỐC	Nam	07/07/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
7	35000367	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	Nam	02/07/2007	12C5	Vật lý	Địa lý	
8	35000368	VÕ PHƯỚC TÀI	Nam	30/09/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
9	35000369	ĐỖ THANH TẦN	Nam	07/08/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
10	35000370	PHAN THANH TÙNG	Nam	30/08/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
11	35000371	VÕ TẤN THÀNH	Nam	24/06/2007	12C8	Vật lý	Địa lý	
12	35000372	PHẠM ĐOÀN MINH THẮNG	Nam	16/06/2007	12C2	Vật lý	Địa lý	
13	35000373	NGUYỄN THANH THIÊN	Nam	09/09/2007	12C8	Vật lý	Địa lý	
14	35000374	ĐINH THỊ ANH THU	Nữ	14/01/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
15	35000375	NGUYỄN VĂN TRÁI	Nam	21/04/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
16	35000376	LÊ ĐỖ VIỆT TRIẾT	Nam	08/03/2007	12C2	Vật lý	Địa lý	
17	35000377	PHẠM NGỌC MINH TRIẾT	Nam	14/08/2007	12C5	Vật lý	Địa lý	
18	35000378	PHẠM VĂN TRỌNG	Nam	06/01/2007	12C8	Vật lý	Địa lý	
19	35000379	NGUYỄN TUẤN TRUNG	Nam	08/09/2007	12C2	Vật lý	Địa lý	
20	35000380	ĐỖ CHÍ VỸ	Nam	06/01/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
21	35000381	PHẠM NHẬT VỸ	Nam	29/10/2007	12C6	Vật lý	Địa lý	
22	35000382	NGUYỄN HUỲNH Ý	Nam	08/11/2007	12C7	Vật lý	Địa lý	
23	35000383	BÙI THỊ NHƯ YẾN	Nữ	14/09/2007	12C1	Tiếng Anh	Địa lý	
24	35000384	VÕ THỊ BẢO YẾN	Nữ	21/03/2007	12C8	Vật lý	Địa lý	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 17

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000385	LÊ HOÀNG KIỆT	Nam	24/08/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
2	35000386	VÕ THÀNH KHẢI	Nam	19/06/2006	12C9	Địa lý	GDKTPL	
3	35000387	LÊ THỊ XUÂN LỘC	Nữ	25/09/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
4	35000388	NGÔ THỊ BÍCH LY	Nữ	30/03/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
5	35000389	HUỖNH THỊ NHẬT MI	Nữ	29/09/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
6	35000390	HUỖNH THỊ NGỌC NA	Nữ	06/12/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
7	35000391	TRẦN THỊ VI NA	Nữ	09/11/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
8	35000392	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	25/02/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
9	35000393	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	Nữ	27/01/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
10	35000394	PHẠM HUỖNH NHI	Nữ	09/10/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
11	35000395	VÕ THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	23/09/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
12	35000396	NGUYỄN ANH THI	Nữ	27/11/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
13	35000397	HUỖNH THỊ THÙY TRANG	Nữ	10/12/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
14	35000398	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	02/09/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
15	35000399	NGUYỄN NGỌC TRINH	Nữ	25/01/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM

THI THỬ TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
TRƯỜNG THCS VÀ THPT VẠN TƯỜNG

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI
PHÒNG THI: 18

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	LỚP	MÔN CA 1	MÔN CA 2	GHI CHÚ
1	35000400	LÊ XUÂN CƯỜNG	Nam	10/11/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
2	35000401	MAI THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	13/04/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
3	35000402	NGUYỄN PHẠM TRÙNG DƯƠNG	Nam	05/09/2007	12C7	Địa lý	GDKTPL	
4	35000403	NGUYỄN THỊ ĐỘI	Nữ	05/01/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
5	35000404	ĐẶNG THUY NHƯ HẠ	Nữ	27/02/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
6	35000405	ĐỖ THỊ THU HẠNH	Nữ	04/01/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
7	35000406	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	04/01/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
8	35000407	PHẠM TẤN HÙNG	Nam	04/06/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
9	35000408	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	10/12/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
10	35000409	PHẠM MINH TÚ	Nam	16/05/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
11	35000410	NGUYỄN HUỲNH NGỌC TUẤN	Nam	02/05/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
12	35000411	TRƯƠNG VĂN TRỌNG	Nam	02/10/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	
13	35000412	PHẠM NGỌC TRƯỜNG	Nam	20/08/2006	12C9	Địa lý	GDKTPL	
14	35000413	VÕ VĂN VĨ	Nam	18/11/2007	12C8	Địa lý	GDKTPL	
15	35000414	ĐẶNG NHƯ YẾN	Nữ	18/08/2007	12C9	Địa lý	GDKTPL	

Bình Sơn, ngày 21 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

NGÔ NGỌC LÂM